

Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO 2
ngày 09.12.2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà giáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số /2025/QH15;
Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà giáo

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà giáo, bao gồm: chức danh nhà giáo; tuyển dụng, tiếp nhận nhà giáo; thời gian nghỉ hè hằng năm và các ngày nghỉ khác của nhà giáo, điều động, chuyển, dạy liên trường, liên cấp đối với nhà giáo; đánh giá nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp; nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo; trình độ chuẩn được đào tạo đối với nhà giáo; chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với nhà giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

- Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

CHỨC DANH NHÀ GIÁO, BỔ NHIỆM, THAY ĐỔI

CHỨC DANH NHÀ GIÁO

Điều 3. Chức danh nhà giáo

Chức danh nhà giáo trong từng cấp học, trình độ đào tạo gồm:

- Giáo viên mầm non, giáo viên mầm non chính, giáo viên mầm non cao cấp;
- Giáo viên tiểu học, giáo viên tiểu học chính, giáo viên tiểu học cao cấp;

3. Giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học cơ sở chính, giáo viên trung học cơ sở cao cấp;

4. Giáo viên trung học phổ thông, giáo viên trung học phổ thông chính, giáo viên trung học phổ thông cao cấp;

5. Giáo viên dự bị đại học, giáo viên dự bị đại học chính, giáo viên dự bị đại học cao cấp;

6. Giáo viên giáo dục thường xuyên, giáo viên giáo dục thường xuyên chính, giáo viên giáo dục thường xuyên cao cấp;

7. Giáo viên trung học nghề, giáo viên trung học nghề chính, giáo viên trung học nghề cao cấp;

8. Giáo viên sơ cấp, Giáo viên sơ cấp chính, Giáo viên sơ cấp cao cấp;

9. Giáo viên trung cấp thực hành, Giáo viên trung cấp, Giáo viên trung cấp chính, Giáo viên trung cấp cao cấp;

10. Giảng viên cao đẳng thực hành, Giảng viên cao đẳng, Giảng viên cao đẳng chính, Giảng viên cao đẳng cao cấp;

11. Giảng viên cao đẳng sư phạm, giảng viên cao đẳng sư phạm chính, giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp;

12. Giảng viên đại học, giảng viên đại học chính, giảng viên đại học cao cấp (bao gồm Giáo sư, Phó Giáo sư);

13. Giảng viên trường chính trị, giảng viên trường chính trị chính, giảng viên trường chính trị cao cấp;

14. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng; giảng viên đào tạo, bồi dưỡng chính; giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cao cấp.

Điều 4. Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo

1. Bổ nhiệm chức danh nhà giáo

a) Việc bổ nhiệm chức danh nhà giáo được thực hiện khi tuyển dụng, tiếp nhận và thay đổi vị trí việc làm;

b) Nhà giáo được tuyển dụng, tiếp nhận và thay đổi vị trí việc làm nào thì được bổ nhiệm chức danh nhà giáo tương ứng với vị trí việc làm đó;

c) Việc bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo phải căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp nhà giáo;

d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định mã số, bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Việc thay đổi chức danh nhà giáo gắn với việc thay đổi vị trí việc làm, thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Xét chuyển chức danh nhà giáo.;

b) Xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

3. Xét chuyển chức danh nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về thay đổi vị trí việc làm của viên chức.

4. Xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Cơ sở giáo dục ngoài công lập quy định cụ thể về quy trình, thủ tục bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo đối với nhà giáo thuộc quyền quản lý đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 5. Xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo là việc nhà giáo được bổ nhiệm vào vị trí việc làm gắn với chức danh cao hơn trong cùng một cấp học hoặc trình độ đào tạo, thể hiện sự phát triển nghề nghiệp của nhà giáo.

2. Thăng tiến tuần tự: Nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp của chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng cấp học, trình độ đào tạo được xét thăng tiến nghề nghiệp theo quy định.

3. Thăng tiến đặc cách: Là trường hợp nhà giáo được xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề hoặc cao nhất trong cùng cấp học, trình độ đào tạo. Thăng tiến đặc cách áp dụng đối với nhà giáo có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp hoặc được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.

Điều 6. Căn cứ, nguyên tắc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Căn cứ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

a) Việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo phải căn cứ vào vị trí việc làm, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo. Đối với cơ sở giáo dục công lập, việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo phải phù hợp với cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp xét thăng tiến đặc cách quy định tại Điều 14 Nghị định này.

b) Nhà giáo được đăng ký xét thăng tiến nghề nghiệp nếu cơ sở giáo dục có nhu cầu và nhà giáo đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của nhà giáo theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

Kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

Nhà giáo được đăng ký dự xét thăng tiến nghề nghiệp khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau

1. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng tiến nghề nghiệp.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.

3. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

4. Đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp chức danh nhà giáo dự xét thăng tiến nghề nghiệp, trừ trường hợp xét thăng tiến đặc cách.

Điều 8. Thẩm quyền và tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền xét thăng tiến nghề nghiệp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm quyền thực hiện thẩm quyền xét thăng tiến nghề nghiệp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý và đối với cơ sở giáo dục liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

3. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập, trường dự bị đại học, việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo do người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

4. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo do người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục;

5. Đối với cơ sở giáo dục thuộc lực lượng vũ trang, việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định;

6. Đối với trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng và các chương trình khác, việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo do cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định;

7. Đối với cơ sở giáo dục không thuộc quy định tại khoản 1,2,3,4,5,6 việc xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo do cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo. Đề án tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp gồm các nội dung chính như sau:

a) Số lượng, cơ cấu nhà giáo theo chức danh hiện nghề nghiệp có của đơn vị; số lượng nhà giáo ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng tiến nghề nghiệp;

b) Danh sách nhà giáo đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng tiến nghề nghiệp;

c) Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng xét thăng tiến nghề nghiệp;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện theo chức danh xét thăng tiến nghề nghiệp và tiêu chuẩn khác đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (nếu có);

đ) Nội dung, hình thức xét thăng tiến nghề nghiệp;

e) Dự kiến thời gian, địa điểm và các nội dung khác để tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp.

2. Tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo và danh sách nhà giáo đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

3. Thành lập Hội đồng xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

4. Quyết định tổ chức kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

5. Công nhận kết quả kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

6. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức của Hội đồng xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

Điều 10. Cử nhà giáo tham dự xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập lập danh sách nhà giáo đủ tiêu chuẩn, điều kiện, quyết định phê duyệt danh sách nhà giáo dự xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

2. Cơ sở giáo dục cử nhà giáo dự xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của nhà giáo được cử.

Điều 11. Hội đồng xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Thành phần Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch (người đứng đầu hoặc cấp phó của cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét), Phó Chủ tịch), Ủy viên kiêm Thư ký, và các ủy viên khác có chuyên môn liên quan.

2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Hội đồng chỉ làm việc khi có đủ 3/5 hoặc 5/7 người.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Thông báo kế hoạch, thành lập các bộ phận giúp việc cho Hội đồng;

b) Tổ chức xét hồ sơ;

c) Báo cáo công nhận kết quả;

d) Giải quyết khiếu nại;

đ) Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ

4. Những người không được bố trí làm thành viên Hội đồng/bộ phận giúp việc của Hội đồng

a) Người có quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột của người dự xét thay đổi vị trí việc làm gắn với thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo;

b) Những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; những người đã bị xử lý về hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Sơ yếu lý lịch nhà giáo (lập chậm nhất 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ).
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ sở giáo dục sử dụng nhà giáo.
3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng tiến nghề nghiệp.
4. Các yêu cầu khác theo quy định chuẩn nghề nghiệp của chức danh nghề nghiệp xét thăng tiến, Đề án xét thăng tiến nghề nghiệp được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

Điều 13. Nội dung, hình thức xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo tuân tự

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy theo chuẩn nghề nghiệp của chức danh nhà giáo đăng ký xét thay đổi vị trí việc làm gắn với thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.
2. Hình thức: xét hồ sơ đăng ký dự xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

Điều 14. Xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo đặc cách

1. Đối với nhà giáo được xét đặc cách thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo
 - a) Không bị giới hạn chỉ tiêu về số lượng nhà giáo theo cơ cấu chức danh nhà giáo của cơ sở giáo dục;
 - b) Không yêu cầu nhà giáo đáp ứng đủ tất cả các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của chuẩn nghề nghiệp chức danh nhà giáo dự kiến xét đặc cách.
2. Các trường hợp được xét đặc cách thăng tiến nghề nghiệp:
 - a) Nhà giáo có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp được tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động trong cơ sở giáo dục thống nhất đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét thăng tiến nghề nghiệp theo quy định;
 - b) Nhà giáo được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư theo quy định của Pháp luật.
3. Việc xét đặc cách thăng tiến nghề nghiệp được thực hiện theo hình thức xét hồ sơ.
4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết về nhà giáo có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp từng cấp học, trình độ đào tạo làm căn cứ xét đặc cách thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo.

Điều 15. Xác định trúng tuyển kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Nhà giáo trúng tuyển là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo công nhận.

2. Trường hợp số lượng nhà giáo dự xét nhiều hơn chỉ tiêu thì việc xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Nhà giáo có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp;
- b) Nhà giáo là nữ;
- c) Nhà giáo là người dân tộc thiểu số;
- d) Nhà giáo nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Nhà giáo có thời gian công tác nhiều hơn;

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng tiến nghề nghiệp báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý nhà giáo để quyết định.

Điều 16. Thông báo kết quả xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Trong 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt danh sách nhà giáo trúng tuyển kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp, Chủ tịch Hội đồng báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét phê duyệt kết quả. Quyết định phê duyệt danh sách nhà giáo trúng tuyển phải đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tổ chức xét.

2. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả, Hội đồng phải thông báo bằng văn bản đến các cơ quan có nhà giáo dự xét và công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tổ chức xét.

Điều 17. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp sau khi trúng tuyển kỳ xét thăng tiến nghề nghiệp nhà giáo

1. Trong 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách nhà giáo trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

2. Trường hợp bị xử lý kỷ luật hoặc đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương. Sau khi hết thời hạn xử lý kỷ luật hoặc có quyết định của cấp có thẩm quyền, sẽ xem xét bổ nhiệm và xếp lương căn cứ cơ cấu nhà giáo tại thời điểm đó. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN NHÀ GIÁO

Điều 18. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng

1. Người đã làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

2. Đối với giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên người có kỹ năng nghề cao, có kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

3. Trường hợp ưu tiên tuyển dụng khác trong cơ sở giáo dục công lập theo quy định của pháp luật về viên chức.

Điều 19. Những người không được đăng ký tuyển dụng

1. Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;
3. Người đã có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Điều 20. Phương thức, nội dung tuyển dụng nhà giáo

1. Thi tuyển và xét tuyển nhà giáo gồm 02 vòng. Vòng 1 thực hiện thông qua thi hoặc xét. Vòng 2 thực hành sư phạm.
2. Vòng 1: Xét hồ sơ hoặc kiểm tra kiến thức chung, tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.
3. Vòng 2: Đánh giá năng lực ứng viên nhà giáo thông qua thực hành sư phạm.

Điều 21. Nội dung, phương thức thi tuyển nhà giáo

Thi tuyển nhà giáo được thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung bằng hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính. Nội dung thi gồm 02 phần, cụ thể như sau:

a) Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật nhà giáo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành Giáo dục, về vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

b) Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm bằng một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc lựa chọn 01 ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm, hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với việc tuyển dụng nhà giáo vào làm việc ở vị trí việc làm yêu cầu tiếng dân tộc thiểu số. Thời gian thi 30 phút.

Đối với vị trí việc làm không yêu cầu ngoại ngữ thì không phải tổ chức thi Phần II.

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a và điểm b khoản này; nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

d) Trường hợp tổ chức thi ngoại ngữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ; nếu đạt kết quả thi được coi là đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ.

đ) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo

hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

- Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số”.

2. Vòng 2: Đánh giá năng lực ứng viên nhà giáo thông qua thực hành sư phạm.

a) Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Hình thức: Đánh giá trực tiếp bằng thực hành giảng dạy; phỏng vấn; xử lý tình huống sư phạm hoặc kết hợp các hình thức nêu trên. Đánh giá gián tiếp bằng thi viết. Có thể lựa chọn kết hợp giữa đánh giá trực tiếp và đánh giá gián tiếp.

c) Hội đồng thi quyết định lựa chọn hình thức thi vòng 2; hướng dẫn nội dung, giới hạn phạm vi kiến thức thực hành đảm bảo công khai, bình đẳng, minh bạch.

d) Thang điểm của vòng 2 được tính theo thang điểm 100.

Điều 22. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển nhà giáo

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển nhà giáo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có).

Trường hợp vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.

Điều 23. Nội dung, phương thức xét tuyển nhà giáo

Xét tuyển nhà giáo được thực hiện theo 02 vòng như sau:

1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu trình độ ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo cụ thể yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ. Nếu có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định này thì được sử dụng thay thế. Nếu không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng.

Hội đồng tuyển dụng kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo thông tin người dự tuyển kê khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, người trúng tuyển nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

2. Vòng 2 được thực hiện theo quy định của vòng 2 hình thức thi tuyển nhà giáo.

Điều 24. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển nhà giáo

1. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển nhà giáo được thực hiện như quy định đối với thi tuyển nhà giáo.

2. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 25. Điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển dụng nhà giáo là người nước ngoài.

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo ban hành kế hoạch tuyển dụng và báo cáo cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp.

2. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng đăng thông báo tuyển dụng công khai đồng thời trên các trang thông tin điện tử hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tại trang thông tin điện tử của chính cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

3. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thành lập Hội đồng tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng nhà giáo theo quy định.

4. Người nước ngoài đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng nhà giáo được đăng ký tuyển dụng nhà giáo theo quy định.

5. Việc tuyển dụng nhà giáo là người nước ngoài thực hiện theo hình thức xét tuyển.

Điều 26. Điều kiện, trình tự, thủ tục tiếp nhận nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

1. Các trường hợp thuộc đối tượng thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo được xem xét tiếp nhận trở thành nhà giáo khi cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm phù hợp bao gồm:

a) Người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt, người có kỹ năng nghề cao;

b) Người đến làm việc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong một số lĩnh vực trọng yếu, thiết yếu theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Việc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với trường hợp được tiếp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

**ĐIỀU ĐỘNG, THUYỀN CHUYỂN, DẠY LIÊN TRƯỜNG,
LIÊN CẤP, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO**

Điều 27. Điều động nhà giáo

1. Thẩm quyền điều động nhà giáo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền điều động, đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm quyền điều động, đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý và đối với cơ sở giáo dục liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

b) Cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện điều động nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc điều động nhà giáo trong trường của lực lượng vũ trang;

d) Cơ quan có thẩm quyền điều động nhà giáo quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, hồ sơ điều động nhà giáo phù hợp với thực tiễn địa phương, cơ sở giáo dục đảm bảo công khai, minh bạch.

2. Đối tượng điều động nhà giáo

a) Nhà giáo được bổ nhiệm hoặc đã có quy hoạch bổ nhiệm giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nhà giáo đã công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 03 năm trở lên.

b) Nhà giáo có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục.

c) Nhà giáo thuộc danh sách biên chế dôi dư khi thực hiện sắp xếp lại cơ sở giáo dục.

3. Việc bảo lưu chế độ, chính sách đối với nhà giáo khi thực hiện điều động

a) Nhà giáo giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được điều động đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

b) Chế độ, chính sách đối với nhà giáo khi thực hiện điều động được tính theo chế độ, chính sách của nơi nhà giáo được điều động đến. Trường hợp chế độ, chính sách nhà giáo đang được hưởng cao hơn thì được bảo lưu theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thuyên chuyển nhà giáo

1. Việc thuyên chuyển nhà giáo được thực hiện khi nhà giáo có nhu cầu; bảo đảm cho nhà giáo được thuận lợi trong hoạt động nghề nghiệp, yên tâm công tác; phải được sự đồng thuận của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang công tác, nơi tiếp nhận có nhu cầu, đồng thời đảm bảo phù hợp cơ cấu vị trí việc làm.

2. Thẩm quyền thuyên chuyển nhà giáo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền thuyên chuyển đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm quyền thuyên chuyển đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý và đối với cơ sở giáo dục liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và trường hợp thuyên chuyển ra, vào từ ngoại tỉnh;

b) Cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện thuyên chuyển nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc thuyên chuyển nhà giáo trong trường của lực lượng vũ trang;

d) Cơ quan có thẩm quyền thuyên chuyển nhà giáo quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, hồ sơ thuyên chuyển nhà giáo phù hợp với thực tiễn của địa phương, đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 29. Dạy liên trường, liên cấp đối với nhà giáo

1. Nguyên tắc bố trí nhà giáo dạy liên trường, liên cấp

a) Việc bố trí nhà giáo dạy liên trường, liên cấp phải xem xét tính hợp lý về điều kiện địa lý và hoàn cảnh thực tế của nhà giáo, ý kiến của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng và cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy;

b) Số tiết dạy hoặc giờ dạy của nhà giáo là tổng số tiết dạy hoặc giờ dạy ở các cơ sở giáo dục, các cấp học mà nhà giáo được phân công giảng dạy;

c) Lương và các chế độ theo lương của nhà giáo do cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng chi trả. Tiền lương dạy thêm giờ (trong trường hợp tổng số tiết dạy của nhà giáo vượt định mức quy định) và phụ cấp lưu động, chi phí khác nếu có do các cơ sở giáo dục không phải cơ sở giáo dục ký hợp đồng với nhà giáo chi trả. Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước bảo đảm;

d) Việc đánh giá nhà giáo dạy liên trường, liên cấp do người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng thực hiện trên cơ sở có sự nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy thêm theo sự phân công.

đ) Các cơ sở giáo dục nơi nhà giáo được phân công giảng dạy liên trường tạo điều kiện về thời gian để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy liên trường, không bố trí công tác kiêm nhiệm đối với nhà giáo dạy liên trường.

2. Cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng ra quyết định phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp trên cơ sở có văn bản thỏa thuận giữa các cơ sở giáo dục và văn bản đồng ý của nhà giáo.

Điều 30. Đánh giá nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp

1. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục được đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn nghề nghiệp của chức danh nhà giáo. Tiêu chí đánh giá nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp căn cứ vào hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết quả đánh giá nhà giáo tại điểm a khoản này được sử dụng làm căn cứ để thực hiện đánh giá nhà giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Nhà giáo.

3. Thời điểm, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại và việc sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức; đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo Quy chế đánh giá, xếp loại nhà giáo do cơ sở giáo dục ban hành.

4. Người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập căn cứ điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục để hướng dẫn chi tiết nhiệm vụ theo chức danh nhà giáo; bố trí, phân công, giao nhiệm vụ cho nhà giáo phù hợp với đặc thù của đơn vị, đảm bảo phát huy năng lực, sở trường của nhà giáo; tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn nghề nghiệp của chức danh nhà giáo làm căn cứ để xếp loại chất lượng nhà giáo theo quy định.

5. Cơ sở giáo dục ngoài công lập căn cứ điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng và thực hiện Quy chế đánh giá, xếp loại nhà giáo thuộc quyền quản lý.

Chương V

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, THU HÚT, TRỌNG DỤNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU Ở TUỔI CAO HƠN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 31. Chính sách hỗ trợ đối với nhà giáo

1. Nhà giáo được khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà giáo thuộc đối tượng được chi trả phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được khám sức khỏe ít nhất 02 lần/năm.

2. Nhà giáo dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một và nhà giáo dạy lớp ghép 02 trình độ được hưởng phụ cấp 50% mức tiền lương hiện hưởng của 01 tiết dạy. Nhà giáo dạy lớp ghép 03 trình độ được hưởng phụ cấp 75% mức tiền lương hiện hưởng của 01 tiết dạy.

a) Mức tiền lương của 01 tiết dạy được tính như sau:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức tiết dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

b) Chế độ phụ cấp quy định tại khoản này được chi trả vào cuối năm học và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

3. Nhà giáo dạy tiếng Việt cho trẻ em mầm non là người dân tộc thiểu số được hưởng phụ cấp theo quy định của Chính phủ.

4. Nhà giáo đến công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có nhà ở thì được thuê nhà ở công vụ theo quy định của Luật Nhà ở hoặc được cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục bảo đảm chỗ ở tập thể. Việc đầu tư, xây dựng, quản lý chỗ ở tập thể thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đầu tư. Khuyến khích các nguồn tài trợ hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà ở tập thể cho nhà giáo.

5. Trường hợp cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục không bố trí được chỗ ở tập thể hoặc nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này thì nhà giáo được hỗ trợ một khoản tiền không thấp hơn mức tiền thuê nhà ở công vụ theo quy định. Chi phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên của cơ sở giáo dục. Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục xác định mức tiền hỗ trợ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Nhà giáo dạy thể dục thể thao, nhà giáo dạy quốc phòng – an ninh tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được hưởng chế độ bồi dưỡng, chế độ trang phục theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Ngoài các chế độ hỗ trợ quy định tại Điều này, nhà giáo được hưởng các chế độ hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của pháp luật và quy định của địa phương, cơ sở giáo dục.

Điều 32. Chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo

1. Các trường hợp được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo:

- a) Người có tài năng theo quy định của Chính phủ;
- b) Người có năng khiếu đặc biệt, đạt thành tích cao trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống phù hợp với nghề dạy học theo quy định của Chính phủ; người có kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên, người được phong tặng một trong các danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân ưu tú” trở lên;
- c) Người tốt nghiệp từ loại khá trở lên các ngành thuộc lĩnh vực trọng điểm, thiết yếu theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội các ngành, nghề học khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu, các ngành, nghề chuyên môn đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao và các ngành, nghề chuyên môn đặc thù lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Người tình nguyện làm việc ở cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- đ) Người dân tộc thiểu số thuộc danh mục các dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tình nguyện làm việc tại cơ sở giáo dục thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người đó.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Được hưởng các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Chính phủ.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

- a) Được tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận nhà giáo. Yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo đối với trường hợp này thấp hơn trình độ chuẩn được đào tạo đối với nhà giáo giảng dạy ở cấp học, trình độ đào tạo tương ứng;
- b) Sau khi được tiếp nhận trở thành nhà giáo thì được bổ nhiệm chức danh giáo viên hoặc giảng viên và được xếp lương, hưởng các chế độ, chính sách theo quy định đối với vị trí việc làm.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

- a) Được tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận nhà giáo;
- b) Sau khi tiếp nhận được hưởng mức phụ cấp là 150% mức lương hiện hưởng trong thời gian 05 năm kể từ ngày có quyết định tiếp nhận;
- c) Được ưu tiên, tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng, đào tạo tập trung trong nước, quốc tế đối với ngành, lĩnh vực giảng dạy từ nguồn ngân sách nhà nước.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- a) Được tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận nhà giáo;

b) Được hưởng các chế độ, chính sách đối với người công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ;

c) Sau 02 năm kể từ ngày được tiếp nhận và hoàn thành chế độ tập sự, thử việc (nếu có), nếu được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì được nâng bậc lương trước thời hạn;

d) Căn cứ vào cống hiến nhà giáo được xem xét tặng huân chương, huy chương, danh hiệu thi đua, kỷ niệm chương hoặc các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật; không áp dụng tỷ lệ trong xét tặng danh hiệu thi đua hoặc xét khen thưởng.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

a) Được tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận nhà giáo;

b) Sau khi tiếp nhận được hưởng mức phụ cấp là 150% mức lương hiện hưởng kể từ ngày có quyết định tiếp nhận. Thời gian được hưởng là 05 năm kể từ ngày có quyết định tiếp nhận;

c) Sau 02 năm kể từ ngày được tiếp nhận và hoàn thành chế độ tập sự, thử việc (nếu có), nếu được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì được nâng bậc lương trước thời hạn;

d) Được ưu tiên, tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng, đào tạo tập trung trong nước, quốc tế từ nguồn ngân sách nhà nước;

đ) Căn cứ vào cống hiến nhà giáo được xem xét tặng huân chương, huy chương, danh hiệu thi đua, kỷ niệm chương hoặc các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật; không áp dụng tỷ lệ trong xét tặng danh hiệu thi đua hoặc xét khen thưởng.

7. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này ngoài các chế độ, chính sách được hưởng quy định tại Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật, quy định của địa phương và cơ sở giáo dục.

Điều 33. Thời gian nghỉ hè của nhà giáo

1. Thời gian nghỉ hè của nhà giáo

a) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường chuyên biệt là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm.

b) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên trường trung cấp và giảng viên trường cao đẳng là 06 tuần; của giáo viên trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 04 tuần; thời gian nghỉ hè bao gồm cả nghỉ phép hằng năm.

c) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giảng viên cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

d) Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách, thời gian nghỉ hè của nhà giáo cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học,

trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định theo thẩm quyền.

2. Ngoài thời gian nghỉ hè theo quy định tại khoản 1 Điều này, giáo viên, giảng viên được nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. Căn cứ kế hoạch thời gian năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thời điểm nghỉ hè của giáo viên ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, phổ thông trường chuyên biệt trên địa bàn.

4. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định thời điểm nghỉ hè của giáo viên, giảng viên phù hợp với kế hoạch đào tạo và điều kiện cụ thể của từng trường.

5. Việc nghỉ hè của nhà giáo trong cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 34. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

1. Hàng năm, cơ sở giáo dục căn cứ định hướng phát triển, tình hình nhân lực của tổ chức và yêu cầu của vị trí việc làm, thông báo chủ trương, nhu cầu kéo dài thời gian công tác;

2. Nhà giáo đáp ứng các điều kiện quy định, có đơn đề nghị được kéo dài thời gian công tác, gửi cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý quyết định kéo dài trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng;

3. Cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý xem xét, đánh giá các điều kiện của nhà giáo có nguyện vọng được kéo dài thời gian công tác và chủ trương, nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập để xem xét, quyết định việc kéo dài thời gian công tác, thời gian được kéo dài đối với từng trường hợp nhà giáo;

4. Quyết định kéo dài thời gian công tác của nhà giáo được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 03 tháng.

Điều 35. Việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo ở ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù

1. Đối với các ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao, nhà giáo không có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có thể hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo quy định tại Điều 29 Luật Nhà giáo.

2. Các Bộ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết đối với yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhà giáo làm việc trong ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù được hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

Chương VI

TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA NHÀ GIÁO, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 36. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn học đặc thù trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt

a) Môn học đặc thù trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt gồm: môn mỹ thuật và môn âm nhạc, môn tiếng Anh cấp tiểu học, môn Công nghệ - Tin học cấp tiểu học.

b) Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dạy các môn học đặc thù trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn học đặc thù và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tương ứng với cấp học giảng dạy theo quy định.

3. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo giáo viên về tiếng dân tộc thiểu số; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo giáo viên và có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số. Trường hợp là người dân tộc thiểu số thì có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo giáo viên.

4. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy ngành, nghề thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Người đạt danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân” do Chủ tịch nước phong tặng khi tuyển dụng làm nhà giáo giảng dạy ngành, nghề thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao không yêu cầu đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo.

Điều 37. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Chương trình đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn của nhà giáo

a) Chương trình đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn của nhà giáo thực hiện theo lộ trình của Chính phủ.

b) Trong thời gian thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn, nhà giáo được bố trí giảng dạy, giáo dục và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng nhà giáo chưa đạt chuẩn.

2. Chương trình bồi dưỡng thường xuyên

a) Chương trình bồi dưỡng thường xuyên được thực hiện hàng năm đối với nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

b) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình bồi dưỡng thường xuyên đối với từng cấp học, trình độ đào tạo và loại hình cơ sở giáo dục.

3. Chương trình, tài liệu được biên soạn phải phù hợp với chuẩn nhà giáo, chuẩn hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục và yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn.

4. Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với tình hình thực tế.

5. Cơ quan quản lý chương trình bồi dưỡng tổ chức biên soạn chương trình thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Quy trình thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình bồi dưỡng, tài liệu bồi dưỡng thực hiện theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 38. Thẩm quyền quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đáp ứng chuẩn nhà giáo, chuẩn hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục và yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 39. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên do nhà giáo, ngân sách nhà nước cấp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các chương trình theo quy định tại điểm a, điểm d đối với nhà giáo đang công tác tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp để giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề do ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 29 Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và

cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư do nhà giáo, nguồn thu sự nghiệp của cơ sở giáo dục, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư do nhà giáo, ngân sách nhà nước cấp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính